

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 162/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2023

V/v: “ Tranh chấp không công
nhận là vợ chồng ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ.

Bà Trần Thanh Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “ Tranh chấp không công nhận là vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1087/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đoàn Xuân T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ A, ấp G, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Bà Lưu Mỹ H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T và bà H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Đoàn Xuân T trình bày:

Ông và bà Lưu Mỹ H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới hai bên gia đình, sau khi tổ chức lễ cưới thì cả hai có đến UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do không hiểu biết nên cứ nghĩ đưa giấy tờ đăng ký cho cán bộ tư pháp là xong, nên cả hai không ký vào hồ sơ đăng ký kết hôn, vì vậy không được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định.

Sau khi đám cưới ông và bà H sinh sống tại ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng

Nai, đến năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên sống ly thân từ đó cho tới nay.

Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà **Lưu Mỹ H** là vợ chồng vì không đăng ký kết hôn.

Về con chung: Ông và bà **H** có 03 con chung là **Đoàn Xuân H1**, sinh ngày 06/7/2000, **Đoàn Thị Trúc L**, sinh ngày 21/01/2002 và bà **Đoàn Trúc V**, sinh ngày 20/02/2011, đối với các cháu **H1** và **L** đã trưởng thành. Còn cháu **V** ông xin giao cho bà **Lưu Mỹ H** trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 11 năm 2023, bị đơn bà **Lưu Mỹ H** trình bày:* Bà và ông **Đoàn Xuân T** trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 có ra Ủy ban nhân dân xã **Đ** làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng không được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình sống chung không hạnh phúc, ông **T** thường sống ở nơi khác thỉnh thoảng mới về nhà. Tuy nhiên khoảng hơn một năm nay thì hai người không còn sống chung với nhau nữa.

Nay, ông **T** khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông **T** là vợ chồng thì bà đồng ý thống nhất.

- Về con chung: Bà và ông **T** có 03 con chung tên **Đoàn Xuân H1**, sinh ngày 06/7/2000, **Đoàn Thị Trúc L**, sinh ngày 21/01/2002 và bà **Đoàn Trúc V**, sinh ngày 20/02/2011. Bà đồng ý trực tiếp nuôi con chung **Đoàn Trúc V**, không yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con. Đối với các con **Đoàn Xuân H1** và **Đoàn Thị Trúc L** đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 04 tháng 12 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã **Đ**, huyện **N**, tỉnh **Đông Nai** thể hiện: Ông **Đoàn Xuân T** và **Lưu Mỹ H** từ năm 1997 đến nay không đăng ký kết hôn tại địa phương; Về tài sản chung, nợ chung của ông **T** và bà **H** thì địa phương không nắm rõ. Hiện tại không có cá nhân, tổ chức nào yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải hay giải quyết các vấn đề về tài sản chung, nợ chung của ông **T** và bà **H**.

* *Tại đơn xác nhận ngày 05 tháng 10 năm 2023, Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **N**, tỉnh **Đông Nai** xác nhận:* Ông **Đoàn Xuân T** và bà **Lưu Mỹ H** có sống chung với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Xuân T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về sự có mặt và vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Đoàn Xuân T và bị đơn bà Lưu Mỹ H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Lưu Mỹ H cư trú tại ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Ông Đoàn Xuân T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà H là vợ chồng. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Xuân T và bà Lưu Mỹ H thống nhất trình bày: Ông bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến năm 2021, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Các kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai và Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai thể hiện cùng nội dung: Ông Đoàn Xuân T và bà Lưu Mỹ H không đăng ký kết hôn tại các địa phương;

Xét thấy: Ông Đoàn Xuân T và bà Lưu Mỹ H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến năm 2021, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001. Do đó, hôn nhân của ông bà là không hợp pháp.

Nay, ông Đoàn Xuân T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và Lưu Mỹ H là vợ chồng vì không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và hiện không còn sống chung từ năm 2021 cho tới nay.

Căn cứ Điều 14, Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 02 ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư liên tịch số 01 ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận ông Đoàn Xuân T và bà Lưu Mỹ H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Ông Đoàn Xuân T và bà Lưu Mỹ H có 03 con chung gồm Đoàn Xuân H1, sinh ngày 06/7/2000, Đoàn Thị Trúc L, sinh ngày 21/01/2002 và Đoàn Trúc V, sinh ngày 20/02/2011. Ông T có yêu cầu giao cháu Đoàn Trúc V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H đồng ý nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với các con chung Đoàn Xuân H1 và Đoàn Thị Trúc L đã trưởng thành. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn thống nhất được vấn đề nuôi con chung. Do đó, giao cháu Đoàn Trúc V, sinh ngày 20/02/2011 cho bà Lưu Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của nguyên đơn và bị đơn. Bà H nuôi con chung nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Các điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 02 ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư liên tịch số 01 ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Không công nhận là vợ chồng” của nguyên đơn – ông Đoàn Xuân T;

Xử: Không công nhận ông Đoàn Xuân T và bà Lưu Mỹ H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Trúc V, sinh ngày 20/02/2011 cho bà Lưu Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Đoàn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi giải quyết không công nhận là vợ chồng thì ông T và bà H vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, ông T có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các đương sự

được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông **Đoàn Xuân T** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001971 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Ông **Đoàn Xuân T** đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn ông **Đoàn Xuân T** và bị đơn bà **Lưu Mỹ H** được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Nhơn Trạch;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Nhơn Trạch;
- UBND xã (phường) nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Quốc Hoàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân
tòa

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Nguyễn Văn N – T

Trần Tiến N1

